BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
**VIỆN CÔNG NGHIỆP PHẦN MỀM VÀ NỘI DUNG SỐ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2022*

# THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ II NĂM 2022

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Quyết định số 2115/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam (Viện CNPM) trong năm 2022 được giao ngân sách như sau:

| STT | NỘI DUNG | TỔNG SỐ (triệu đồng) |
|---|---|---|
| **A** | **Số thu, chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác** | |
| **1** | **Số thu hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác** | **100** |
| | Thu từ các hoạt động khác theo quy định của pháp luật | 100 |
| **2** | **Số chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác** | **100** |

| | | |
|---|---|---|
| | Chi từ nguồn thu các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật | 100 |
| **B** | **Nguồn ngân sách nhà nước cấp** | **4.220** |
| **I** | **Sự nghiệp khoa học và Công nghệ (Loại 100 – Khoản 101)** | **3.320** |
| **1** | **Chi hoạt động thường xuyên** | **2.920** |
| **2** | **Đề tài nghiên cứu khoa học** | **350** |
| | Thực hiện Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Bộ | 350 |
| **3** | **Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương ( năm 2021 chuyển sang)** | **50** |
| **II** | **Sự nghiệp văn hóa thông tin (Loại 160 - Khoản 171)** | **900** |
| **1** | **Chi không thường xuyên** | **900** |
| 1.1 | Tuyên truyền, triển khai chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số<br>*- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở* | 400 |
| 1.2 | Thực hiện trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/08/2020 | 500 |

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ II NĂM 2022

### 1. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng: Viện đã thực hiện giải ngân 611 triệu đồng chiếm 21% tổng kinh phí được cấp.

- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ: Viện đã thực hiện giải ngân 175 triệu đồng chiếm 50% tổng kinh phí được cấp.

- Kinh phí cải cách tiền lương: Viện chưa thực hiện giải ngân.

Trong Qúy II năm 2022, Viện thực hiện giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ 786 triệu đồng chiếm 24% tổng kinh phí được cấp.

### 2. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

- Nhiệm vụ Tuyên truyền, triển khai chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số. Viện đã thực hiện giải ngân 194 triệu đồng chiếm 48% tổng kinh phí được cấp.

- Nhiệm vụ Thực hiện trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/08/2020, Viện đang thực hiện khảo sát xây dựng đề cương và chưa thực hiện giải ngân.

Trong Qúy II năm 2022, Viện thực hiện giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin 194 triệu đồng chiếm 22% tổng kinh phí được cấp.

*Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2022*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
VIỆN CÔNG NGHIỆP PHẦN MỀM VÀ NỘI DUNG SỐ VIỆT NAM

**Hà Hải Nam**

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

**Đơn vị: Viện Công nghiệp phần mềm và NDS VN** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Chương: 027** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2022*

# CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 23 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Qúy II năm 2022 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện 3 tháng | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **A** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **I** | **Số thu phí, lệ phí** | | | | |
| 1 | Lệ phí | | | | |
| | Lệ phí… | | | | |
| | Lệ phí… | | | | |
| 2 | Phí | | | | |
| | Phí … | | | | |
| | Phí … | | | | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được để lại** | | | | |
| ***1*** | ***Chi sự nghiệp……..*** | | | | |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| ***2*** | ***Chi quản lý hành chính*** | | | | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | | | | |
| ***1*** | ***Lệ phí*** | | | | |
| | Lệ phí… | | | | |
| | Lệ phí… | | | | |
| *2* | Phí | | | | |
| | Phí … | | | | |
| | Phí … | | | | |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | | | | |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | **4.220** | **980** | **23%** | **100,41%** |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ** | **3.320** | **786** | **24%** | |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | 350 | 175 | 50% | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia* | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ* | 350 | 175 | 50% | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở* | | | | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng | 2.920 | 611 | 21% | |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| 2.4 | Kinh phí cải cách tiền lương | 50 | 0 | 0% | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| 4.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 4.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| 5.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 5.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| 6.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 6.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| 7.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 7.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | **900** | **194** | **22%** | |
| 8.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 8.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 900 | 194 | 22% | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,** | | | | |
| 9.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 9.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |
| 10.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 10.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **II** | **Nguồn vốn viện trợ** | | | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| 1.1 | Dự án A | | | | |
| 1.2 | Dự án B | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ** | | | | |
| 2.1 | Dự án A | | | | |
| 2.2 | Dự án B | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| 3.1 | Dự án A | | | | |
| 3.2 | Dự án B | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| 4.1 | Dự án A | | | | |
| 4.2 | Dự án B | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| 5.1 | Dự án A | | | | |
| 2.2 | Dự án B | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| 6.1 | Dự án A | | | | |
| 6.2 | Dự án B | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| 7.1 | Dự án A | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 7.2 | Dự án B | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| 8.1 | Dự án A | | | | |
| 8.2 | Dự án B | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,** | | | | |
| 9.1 | Dự án A | | | | |
| 9.2 | Dự án B | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |
| 10.1 | Dự án A | | | | |
| 10.2 | Dự án B | | | | |
| **III** | **Nguồn vay nợ nước ngoài** | | | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| 1.1 | Dự án A | | | | |
| 1.2 | Dự án B | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ** | | | | |
| 2.1 | Dự án A | | | | |
| 2.2 | Dự án B | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| 3.1 | Dự án A | | | | |
| 3.2 | Dự án B | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| 4.1 | Dự án A | | | | |
| 4.2 | Dự án B | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| 5.1 | Dự án A | | | | |
| 2.2 | Dự án B | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| 6.1 | Dự án A | | | | |
| 6.2 | Dự án B | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| 7.1 | Dự án A | | | | |
| 7.2 | Dự án B | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| 8.1 | Dự án A | | | | |
| 8.2 | Dự án B | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,** | | | | |
| 9.1 | Dự án A | | | | |
| 9.2 | Dự án B | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |
| 10.1 | Dự án A | | | | |
| 10.2 | Dự án B | | | | |

*Ngày 06 tháng 07 năm 2022*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Chữ ký, dấu)*

VIỆN CÔNG NGHIỆP PHẦN MỀM VÀ NỘI DUNG SỐ VIỆT NAM

**Hà Hải Nam**